SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH QUẢNG BÌNH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Mã số doanh nghiệp: 3101059365

Đăng ký lần đầu: ngày 29 tháng 11 năm 2018

Đăng ký thay đổi lần thứ: 7, ngày 03 tháng 01 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TONG POWER QUẢNG BÌNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TONG POWER QUANG BINH LIMITED COMPANY

Tên công ty viết tắt: TONG POWER CO.,LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn Pháp Kệ, Xã Quảng Phương, Huyện Quảng Trạch, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam

Điện thoại: *02323597979* Fax:

Email: Website:

3. Vốn điều lệ : 116.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm mười sáu tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	TU YEN HSIEN JIMMY	Canada	Lô 2/-29, Khu chế xuất Sài Gòn - Linh Trung, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	115.420.000.000	99,500	AC703248	Tương đương 4.975.000 USD

2	LIN WEN TUNG	Trung Quốc (Đài Loan)	Lô 27-29, Đường B Khu chế xuất Sài Gòn Linh Trung, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	580.000.000	0,500	360169640	Tương đương 25.000 USD

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LIN WEN TUNG Giới tính: *Nam*

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: *22/08/1965* Dân tộc: *Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan)*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *360169640*

Ngày cấp: *24/06/2021* Nơi cấp: *Đài Loan*

Địa chỉ thường trú: *Rm. 4, 9F, No.252, Sec. 2, Singlong Rd, Wunshan Dist, Taipei City 116, Trung Quốc (Đài Loan)*

Địa chỉ liên lạc: *Lô 27-29, Đường B Khu chế xuất Sài Gòn Linh Trung, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Nguyễn Văn Hiếu

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3329/QĐ-UBND	*Quảng Bình, ngày 23 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ

(Cấp lần đầu: ngày 16 tháng 8 năm 2018)
(Điều chỉnh lần thứ 4: ngày 23 tháng 11 năm 2023)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật, quy định của pháp luật khác có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 16/8/2018 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Nhà máy may xuất khẩu Tun Power; Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 13/03/2019 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án; Quyết định số 1879/QĐ-UBND ngày 6/6/2019 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án; Quyết định số 4335/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án;

Căn cứ ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy tại Thông báo số 1006-TB/Tu ngày 14/11/2023 về chủ trương điều chỉnh Dự án Nhà máy may xuất khẩu Tun Power tại xã Quảng Phương và xã Quảng Hưng, huyện Quảng Trạch;

Căn cứ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án và hồ sơ nộp kèm theo của Công ty TNHH Tong Power Quảng Bình;

Căn cứ ý kiến thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 2717/STNMT-QLĐĐ ngày 08/9/2023; Sở Xây dựng tại Công văn số 2282/SXD-QHKT ngày 08/9/2023; Sở Tài chính tại Công văn số 2887/STC-GCSDN ngày 05/9/2023; Công an tỉnh tại Công văn số 6284/CAT-PA04 ngày 07/9/2023; Cục Thuế tỉnh tại Công văn số 3480/CTQBI-NVDTPC ngày 30/8/2023; Bảo hiểm xã hội tỉnh tại Công văn số 1953/BHXH-TST ngày 25/8/2023; Ủy ban nhân dân huyện Quảng Trạch tại Công văn số 1140/UBND-KT&HT ngày 31/8/2023;

CS Được quét bằng CamScanner

Xét Báo cáo tổng hợp kết quả thẩm định số 2845/KHĐT-QLĐT ngày 04/10/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy may xuất khẩu Tun Power của Công ty TNHH Tong Power Quảng Bình đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 16/8/2018 và điều chỉnh chủ trương đầu tư tại các Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 (điều chỉnh lần 1), Quyết định số 1879/QĐ-UBND ngày 06/6/2019 (điều chỉnh lần 2), Quyết định số 4335/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 (điều chỉnh lần 3), với nội dung điều chỉnh như sau:

1. Nội dung điều chỉnh thứ nhất: Nội dung quy mô đầu tư quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 16/8/2018 của UBND tỉnh được điều chỉnh như sau:

"3. Quy mô đầu tư:

+ Các hạng mục chính: Xây dựng nhà xưởng, nhà nghỉ ca, nhà ăn ca, nhà kho, nhà xe, trồng cây xanh kết hợp xây dựng các hạng mục công trình phụ trợ, giao thông nội bộ và bãi tập kết hàng hóa. Tầng cao xây dựng tối đa: 03 tầng; mật độ xây dựng tối đa: 65%; hệ số sử dụng đất tối đa: 1,95 lần.

+ Công suất: 1.500.000 sản phẩm may mặc/năm".

2. Nội dung điều chỉnh thứ hai: Nội dung tổng vốn đầu tư dự án quy định tại khoản 6 Điều 1 Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 16/8/2018 của UBND tỉnh được điều chỉnh như sau:

"6. Tổng vốn đầu tư dự án: 60 tỷ đồng, bao gồm:

+ Giai đoạn 1 (đã đầu tư hoàn thành, đi vào hoạt động): 20 tỷ đồng, trong đó: Vốn tự có của Nhà đầu tư: 4 tỷ đồng. Vốn vay Ngân hàng TM: 16 tỷ đồng.

+ Giai đoạn 2: 40 tỷ đồng (100% vốn tự có của Nhà đầu tư)".

3. Nội dung điều chỉnh thứ ba: Nội dung tiến độ thực hiện dự án quy định tại khoản 7 Điều 1 Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 16/8/2018 của UBND tỉnh được điều chỉnh như sau:

"7. Tiến độ thực hiện dự án:

+ Giai đoạn 1 (công suất 500.000 sản phẩm may mặc/năm): Đã hoàn thành, đi vào hoạt động từ tháng 02/2020;

+ Giai đoạn 2 (bổ sung công suất 1.000.000 sản phẩm may mặc/năm): Khởi công trong vòng 12 tháng kể từ ngày có Quyết định phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư lần 4; Hoàn thành, đưa dự án đi vào sử dụng trong vòng 12 tháng kể từ ngày khởi công giai đoạn 2".

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư:

Được quét bằng CamScanner

1. Đối với nhà đầu tư:

- Chịu trách nhiệm về góp vốn và huy động vốn đầu tư dự án và có nghĩa vụ bổ sung số tiền ký quỹ hoặc bổ sung bảo lãnh ký quỹ của tổ chức tín dụng tương ứng với số vốn đầu tư tăng theo quy định của pháp luật về đầu tư (nếu có).

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước theo quy định.

- Thực hiện thủ tục điều chỉnh tăng hệ số điều chỉnh giá đất trước khi triển khai thực hiện các hạng mục bổ sung.

- Các quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư là cơ sở để nhà đầu tư thực hiện các thủ tục tiếp theo nhằm đảm bảo các điều kiện pháp lý triển khai đầu tư dự án. Trong quá trình thực hiện các thủ tục, nhà đầu tư phải tuân thủ các quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan đến dự án.

- Nhà đầu tư có trách nhiệm tuân thủ quy định của Luật Đầu tư, pháp luật về quy hoạch, đất đai, môi trường, xây dựng, lao động, phòng cháy và chữa cháy, quy định khác của pháp luật có liên quan, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Điều 42 Luật Đầu tư năm 2020.

- Triển khai dự án theo đúng quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư đã được duyệt và đúng tiến độ nhà đầu tư đã cam kết. Trường hợp nhà đầu tư không thực hiện đúng các nội dung của dự án và tiến độ đã cam kết, cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý theo quy định pháp luật.

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, nhà đầu tư phải đáp ứng đủ các điều kiện đầu tư kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.

- Thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư và cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan vào Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền; chịu trách nhiệm về những thiệt hại phát sinh từ hành vi kê khai thông tin không chính xác, giả mạo nội dung hồ sơ tài liệu.

- Cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được thực hiện và bị chấm dứt, hết hiệu lực trong các trường hợp được quy định tại Luật Đầu tư, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và trong các trường hợp khác mà cơ quan có thẩm quyền không chấp thuận chủ trương, thực hiện các thủ tục có liên quan khác.

2. Đối với sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan:

- Chịu trách nhiệm về nội dung được lấy ý kiến và các nội dung thẩm định thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đó (theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ).

Được quét bằng CamScanner

- Phối hợp, hướng dẫn và yêu cầu nhà đầu tư thực hiện các thủ tục pháp lý đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và chủ trương đầu tư dự án; trường hợp có phát sinh các vướng mắc thì kịp thời báo cáo, kiến nghị UBND tỉnh giải quyết, xử lý theo quy định.

- Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh tăng hệ số điều chỉnh giá đất để tính thu tiền thuê đất sau khi dự án được chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành, địa phương liên quan triển khai thực hiện đầy đủ, chính xác, chặt chẽ các thủ tục theo đúng quy định của pháp luật; bảo đảm tuân thủ đúng quy định về quy hoạch, đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan; có trách nhiệm rà soát các quy định của pháp luật hiện hành để dự án triển khai đúng quy định của pháp luật; thường xuyên kiểm tra, giám sát Dự án triển khai thực hiện đúng tiến độ cam kết; có biện pháp xử lý nghiêm trong trường hợp Dự án chậm tiến độ.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một bộ phận không thể tách rời của Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 2700/QĐ-UBND ngày 16/8/2018 của UBND tỉnh.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch UBND huyện Quảng Trạch và Công ty TNHH Tong Power Quảng Bình có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được gửi cho Công ty TNHH Tong Power Quảng Bình 01 (một) bản và 01 (một) bản được lưu tại UBND tỉnh Quảng Bình.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, TNMT, XD, TC, CT;
- Công an tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Cục Thuế, BHXH;
- UBND huyện Quảng Trạch;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Thắng

Được quét bằng CamScanner

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 724 /QĐ-UBND	*Quảng Bình, ngày 04 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết Nhà máy may xuất khẩu Tun Power của Công ty TNHH Thương mại và may xuất khẩu An Dân, tỷ lệ 1/500.

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 24/8/2022 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định phân công, phân cấp về lập, thẩm định, phê duyệt, tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng; quản lý kiến trúc; cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 3400/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn huyện lỵ mới của huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, tỷ lệ 1/5000;

Căn cứ Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 16/8/2018 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng Nhà máy may xuất khẩu Tun Power của Công ty TNHH Thương mại và may xuất khẩu An Dân; điều chỉnh một số nội dung chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1879/QĐ-UBND ngày 06/6/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 3179/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết nhà máy may xuất khẩu Tun Power của Công ty TNHH Thương mại và may xuất khẩu An Dân, tỷ lệ 1/500;

Xét Tờ trình số 13/TTr-TPQB ngày 12/3/2023 của Công ty TNHH Tong Power Quảng Bình về việc trình phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết Nhà máy may xuất khẩu Tun Power của Công ty TNHH Thương mại và may xuất khẩu An Dân, tỷ lệ 1/500;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 615/BC-SXD ngày 23/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết Nhà máy may xuất khẩu Tun Power của Công ty TNHH Thương mại và may xuất khẩu An Dân, tỷ lệ 1/500, với những nội dung chính như sau:

1. Vị trí, ranh giới lập quy hoạch: Khu vực lập quy hoạch chi tiết thuộc các xã: Quảng Phương; Quảng Hưng, huyện Quảng Trạch, ranh giới được xác định như sau:

- Các phía: Đông, Bắc, Tây giáp đất quy hoạch cụm công nghiệp;
- Phía Nam giáp đất đường quy hoạch rộng 25m.

2. Quy mô: Khu vực lập điều chỉnh quy hoạch có diện tích 3,0 ha.

3. Nội dung điều chỉnh: Trên cơ sở đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy may xuất khẩu Tun Power của Công ty TNHH Thương mại và may xuất khẩu An Dân, tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt, lập điều chỉnh bản vẽ Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất với các nội dung sau:

- Điều chỉnh khuôn viên đất xây dựng nhà máy nhằm phù hợp với kích thước và diện tích tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành DC 696303, số vào sổ cấp GCN: CT 10695 ngày 04/11/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh cấp cho Công ty TNHH Tong Power Quảng Bình.
- Điều chỉnh tăng chỉ tiêu sử dụng đất đối với các hạng mục xây dựng có mật độ xây dựng thuần từ 51,4% lên tối đa 65%.
- Điều chỉnh tầng cao tối đa xây dựng các công trình từ 02 tầng lên thành 03 tầng.
- Bổ sung hạng mục đất xây dựng nhà nghỉ ca cho công nhân.

4. Quy hoạch sử dụng đất: Các chức năng và chỉ tiêu quy hoạch được quy định như sau:

TT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (m2)		Tầng cao xây dựng tối đa (tầng)	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Hệ số sử dụng đất tối đa (lần)
		Theo QH đã phê duyệt	Theo điều chỉnh			
Khu vực xây dựng nhà máy may, gồm:		31.200,0	30.000,0	03	65,0	1,95
1	Đất xây dựng nhà xưởng	13.014,2	16.499,4			
2	Đất xây dựng nhà văn phòng	1.592,5	1.182,2			
3	Đất xây dựng nhà ăn ca	1.444,3	1.237,3			
4	Đất xây dựng nhà nghỉ ca	0	305,5			
5	Đất cây xanh kết hợp xây dựng các hạng mục công trình phụ trợ	9.323,6	5.700,0			

6	Đất giao thông nội bộ, bãi tập kết hàng hóa	5.825,4	5.075,6			
Nội dung cụ thể tại Bản vẽ Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất kèm theo						

Điều 2. Ngoài các nội dung điều chỉnh tại Điều 1, các nội dung còn lại về quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong Quyết định số 3179/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 của UBND tỉnh vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 3. Giao Công ty TNHH Tong Power Quảng Bình phối hợp với UBND các xã: Quảng Hưng; Quảng Phương, tổ chức công bố quy hoạch được duyệt để cán bộ, nhân dân trong khu vực được biết và thực hiện.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Tài Chính, Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch UBND huyện Quảng Trạch; Chủ tịch UBND xã Quảng Hưng; Chủ tịch UBND xã Quảng Phương; Giám đốc Công ty TNHH Tong Power Quảng Bình và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Mạnh Hùng

CÔNG TY TNHH 1TV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Tầng 4, Số 236 - Võ Nguyên Hiến - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 0932.492.499 Email: phongphantich236@gmail.com VILAS 499 VIMCERTS 004

TN & MT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: K1062- BH 126623

1. Tên khách hàng: Công ty TNHH Tong Power Quảng Bình
2. Địa chỉ: Xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình
3. Vị trí đo, lấy mẫu: Do phòng hiện trường cung cấp.
4. Ngày nhận mẫu: 13/6/2023
5. Ngày phân tích: 13/6/2023 ÷ 19/6/2023
6. Loại mẫu: Không khí + tiếng ồn Số lượng mẫu: 03
7. Ký hiệu mẫu: **K1, K2, K3**

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả			QCVN 05
				K1	K2	K3	
1.	Nhiệt độ*	^0C	QCVN46:2012/BTNMT	36,1	36,8	37,1	-
2.	Bụi TSP	$\mu g/m^3$	TCVN 5067:1995	164,2	162,0	149,0	300
3.	SO_2	$\mu g/m^3$	TCVN 5971:1995	67,6	65,3	63,8	350
4.	NO_2	$\mu g/m^3$	TCVN 6137:2009	58,9	56,5	54,2	200
5.	CO	$\mu g/m^3$	PTK.04:2020	2710	2685	2670	30.000
6.	Tiếng ồn*	dBA	TCVN 7878-2:2018	65,9	62,1	59,4	$70^{(A)}$

Ghi chú: "-": Không quy định trong Quy chuẩn.

- Vị trí đo, lấy mẫu: Khu vực dự án: Nhà máy may xuất khẩu Tun Power - Xã Quảng Phương và xã Quảng Hưng, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

+ K1: Tại trung tâm khu vực thực hiện dự án.

Tọa độ E=106°41'23.9"; N=18°21'32.7" (lấy ngày 11/06/2023)

+ K2: Tại cổng ra vào nhà máy. Tọa độ E=106°41'34.6"; N=18°21'27.6" (lấy ngày 11/06/2023)

+ K3: Tại đường giao thông phía Nam nhà máy.

Tọa độ E=106°41'28.0"; N=18°21'24.5" (lấy ngày 11/06/2023)

- QCVN 05:2013/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh. (Trung bình 1 giờ).

- (A): QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn. Áp dụng với khu vực thông thường từ 6-21h.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023

QA/QC	Trưởng PTN	Giám đốc
KS: Nguyễn Thị Nhâm	ThS: Trần Thị Thu Hằng	Phạm Anh Tuấn

CÔNG TY TNHH 1TV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Chú thích:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm đo - phân tích	- (*) Kết quả đo tại hiện trường do phòng quan trắc hiện trường cung cấp.
- Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu mà khách hàng cung cấp.	
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được đồng ý của Công ty TNHH 1TV Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường.	
- Sau 5 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ hủy mẫu theo quy định, không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.	

CÔNG TY TNHH 1TV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Tầng 4, Số 236 - Võ Nguyên Hiển - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 0932 492 499 Email: phongphantich236@gmail.com VILAS 699 VIMCERTS 064

TN & MT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: K1063- BH 126623

1. Tên khách hàng: Công ty TNHH Tong Power Quảng Bình
2. Địa chỉ: Xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình
3. Vị trí đo, lấy mẫu: Do phòng hiện trường cung cấp.
4. Ngày nhận mẫu: 13/6/2023
5. Ngày phân tích: 13/6/2023 ÷ 19/6/2023
6. Loại mẫu: Không khí + tiếng ồn Số lượng mẫu: 03
7. Ký hiệu mẫu: **K4, K5, K6**

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả			QCVN 05
				K4	K5	K6	
1.	Nhiệt độ*	^0C	QCVN46:2012/BTNMT	38,1	39,2	38,5	-
2.	Bụi TSP	$\mu g/m^3$	TCVN 5067:1995	167,5	155,8	180,4	300
3.	SO_2	$\mu g/m^3$	TCVN 5971:1995	68,1	63,9	62,0	350
4.	NO_2	$\mu g/m^3$	TCVN 6137:2009	58,0	57,3	56,2	200
5.	CO	$\mu g/m^3$	PTK.04:2020	2724	2700	2687	30.000
6.	Tiếng ồn*	dBA	TCVN 7878-2:2018	67,0	63,8	61,0	$70^{(A)}$

Ghi chú: "-": Không quy định trong Quy chuẩn.

- Vị trí đo, lấy mẫu: Khu vực dự án: Nhà máy may xuất khẩu Tun Power - Xã Quảng Phương và xã Quảng Hưng, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

+ K4: Tại trung tâm khu vực thực hiện dự án.

Tọa độ E=106°41'23.9"; N=18°21'32.7" (lấy ngày 12/06/2023)

+ K5: Tại cổng ra vào nhà máy.

Tọa độ E=106°41'34.6"; N=18°21'27.6" (lấy ngày 12/06/2023)

+ K6: Tại đường giao thông phía Nam nhà máy.

Tọa độ E=106°41'28.0"; N=18°21'24.5" (lấy ngày 12/06/2023)

- QCVN 05:2013/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh. (Trung bình 1 giờ).

- (A): QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn. Áp dụng với khu vực thông thường từ 6-21h.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023

QA/QC	Trưởng PTN	Giám đốc
KS: Nguyễn Thị Nhâm	ThS: Trần Thị Thu Hằng	Phạm Anh Tuấn

CÔNG TY TNHH 1TV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TP VINH-T.NGHỆ AN

Chú thích:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm đo - phân tích	- (*) Kết quả đo tại hiện trường do phòng quan trắc hiện trường cung cấp.
- Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu mà khách hàng cung cấp.	
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được đồng ý của Công ty TNHH 1TV Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường.	
- Sau 5 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ hủy mẫu theo quy định, không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.	

CÔNG TY TNHH 1TV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Tầng 4, Số 236 - Võ Nguyên Hiến - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 0932.492.499 Email: phongphantich236@gmail.com VILAS 499 VIMCERTS 004

TN & MT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: K1064- BH 126623

1. Tên khách hàng: Công ty TNHH Tong Power Quảng Bình
2. Địa chỉ: Xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình
3. Vị trí đo, lấy mẫu: Do phòng hiện trường cung cấp.
4. Ngày nhận mẫu: 13/6/2023
5. Ngày phân tích: 13/6/2023 ÷ 19/6/2023
6. Loại mẫu: Không khí + tiếng ồn Số lượng mẫu: 03
7. Ký hiệu mẫu: **K7, K8, K9**

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả			QCVN 05
				K7	K8	K9	
1.	Nhiệt độ*	^0C	QCVN46:2012/BTNMT	37,6	38,0	39,4	-
2.	Bụi TSP	$\mu g/m^3$	TCVN 5067:1995	175,1	140,5	161,0	300
3.	SO_2	$\mu g/m^3$	TCVN 5971:1995	67,8	62,7	60,4	350
4.	NO_2	$\mu g/m^3$	TCVN 6137:2009	60,5	57,9	57,1	200
5.	CO	$\mu g/m^3$	PTK.04:2020	2717	2688	2673	30.000
6.	Tiếng ồn*	dBA	TCVN 7878-2:2018	68,0	64,1	62,8	$70^{(A)}$

Ghi chú: "-": Không quy định trong Quy chuẩn.
- Vị trí đo, lấy mẫu: Khu vực dự án: Nhà máy may xuất khẩu Tun Power - Xã Quảng Phương và xã Quảng Hưng, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.
+ K7: Tại trung tâm khu vực thực hiện dự án.
Tọa độ: E=106°41'23.9"; N=18°21'32.7" (lấy ngày 13/06/2023).
+ K8: Tại cổng ra vào nhà máy. Tọa độ: E=106°41'34.6"; N=18°21'27.6" (lấy ngày 13/06/2023).
+ K9: Tại đường giao thông phía Nam nhà máy.
Tọa độ: E=106°41'28.0"; N=18°21'24.5" (lấy ngày 13/06/2023).
- QCVN 05:2013/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh. (Trung bình 1 giờ).
- (A): QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn. Áp dụng với khu vực thông thường từ 6-21h.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023

QA/QC	Trưởng PTN	Giám đốc
KS: Nguyễn Thị Nhâm	ThS: Trần Thị Thu Hằng	Phạm Anh Tuấn

CÔNG TY TNHH 1TV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TP. VINH-T. NGHỆ AN

Chú thích:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm đo - phân tích	- (*) Kết quả đo tại hiện trường do phòng quan trắc hiện trường cung cấp.
- Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu mà khách hàng cung cấp.	
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được đồng ý của Công ty TNHH 1TV Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường.	
- Sau 5 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ hủy mẫu theo quy định, không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.	

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269
Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Đ/c PTN: Số 2 đường Đức Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội
HATICO VIỆT NAM Tel: 0936.175.507 Email: haticovietnam2016@gmail.com

Ký hiệu : 2452-22/06/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Đơn vị gửi mẫu : Công ty TNHH TN và MT Minh Hoàng
Địa chỉ : 86/60 Vũ Trọng Phụng, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy may xuất khẩu Tun Power - Xã Quảng Phương và xã Quảng Hưng, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình
Vị trí lấy mẫu : + **NM1:** Mẫu nước tại khe nước gần dự án. Tọa độ E=106°41'03.4"; N=17°81'01.6" (ngày 11/06/2023)
+ **NM2:** Mẫu nước tại khe nước gần dự án. Tọa độ E=106°41'03.4"; N=17°81'01.6" (ngày 12/06/2023)
+ **NM3:** Mẫu nước tại khe nước gần dự án. Tọa độ E=106°41'03.4"; N=17°81'01.6" (ngày 13/06/2023)
Mã hóa mẫu : 13062023-018
Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước mặt Số lượng mẫu: 03
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh
Ngày nhận mẫu : 13/06/2023 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 22/06/2023

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm			QCVN 08-MT :2015/BTNMT
				NM1	NM2	NM3	B_1
1.	pH	-	*TCVN 6492:2011*	7,25	7,12	7,29	**5,5-9**
2.	BOD_5 (20°C)	*mg/l*	*TCVN 6001-1:2008*	12,1	11,8	12,6	**15**
3.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	*mg/l*	*TCVN 6625:2000*	24	25,5	23	**50**
4.	Amoni (tính theo N)	*mg/l*	*SMEWW 4500-NH_3.B&F:2017*	0,06	0,08	0,08	**0,9**
5.	Sắt (Fe)	*mg/l*	*TCVN 6177:1996*	0,18	0,19	0,14	**1,5**
6.	Nitrit (tính theo N)	*mg/l*	*TCVN 6178:1996*	0,007	0,009	0,009	**0,05**
7.	Coliform	*MPN/ 100ml*	*TCVN 6187-2:1996*	3.400	3.500	2.800	**7500**

Ghi chú: Mẫu do khách hàng gửi đến, tên mẫu và thông tin mẫu do khách hàng cung cấp
Quy chuẩn so sánh: **QCVN 08-MT:2015/BTNMT** - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.
Cột B_1 - Dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B_2.

Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2023

CÁN BỘ QA/QC	TP. THỬ NGHIỆM	GIÁM ĐỐC
Hoàng Thị Kim Anh	ThS. Nguyễn Văn Hòa	Đỗ Thị Duyên

1. (-) Không quy định
2. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
5. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
6. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269
Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Đ/c PTN: Số 2 đường Đức Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội
Tel: 0936.175.507 Email: haticovietnam2016@gmail.com

Ký hiệu: 2453-22/06/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Đơn vị gửi mẫu : Công ty TNHH TN và MT Minh Hoàng
Địa chỉ : 86/60 Vũ Trọng Phụng, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy may xuất khẩu Tun Power - Xã Quảng Phương và xã Quảng Hưng, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình
Vị trí lấy mẫu : + **NN1:** Nước giếng khoan tại khuôn viên nhà máy.
Tọa độ E=106°40'83.5"; N=17°80'95.1" (ngày 11/06/2023)
+ **NN2:** Nước giếng khoan tại khuôn viên nhà máy.
Tọa độ E=106°40'83.5"; N=17°80'95.1" (ngày 12/06/2023)
+ **NN3:** Nước giếng khoan tại khuôn viên nhà máy.
Tọa độ E=106°40'83.5"; N=17°80'95.1" (ngày 13/06/2023)
Mã hóa mẫu : 13062023-019
Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước dưới đất Số lượng mẫu: 03
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh
Ngày nhận mẫu : 13/06/2023 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 22/06/2023

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm			QCVN 09-MT :2015/BTNMT
				NN1	NN2	NN3	
1.	pH	-	*TCVN 6492:2011*	6,58	6,62	6,6	**5,5-8,5**
2.	Độ cứng tổng (tính theo $CaCO_3$)	*mg/l*	*TCVN 6224:1996*	178,2	162,8	170,8	**500**
3.	Amoni (tính theo N)	*mg/l*	*SMEWW 4500-NH_3.B&F:2017*	0,06	0,08	0,09	**1**
4.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	*mg/l*	*SOP.QT.TDS*	302	298	279	**1500**
5.	Clorua (Cl^-)	*mg/l*	*TCVN 6194:1996*	72,9	74,3	74,7	**250**

Ghi chú: Mẫu do khách hàng gửi đến, tên mẫu và thông tin mẫu do khách hàng cung cấp
Quy chuẩn so sánh: **QCVN 09-MT:2015/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2023

CÁN BỘ QA/QC	TP. THỬ NGHIỆM	GIÁM ĐỐC
Hoàng Thị Kim Anh	ThS. Nguyễn Văn Hòa	Đỗ Thị Duyên

1. (-) Không quy định
2. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
5. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
6. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

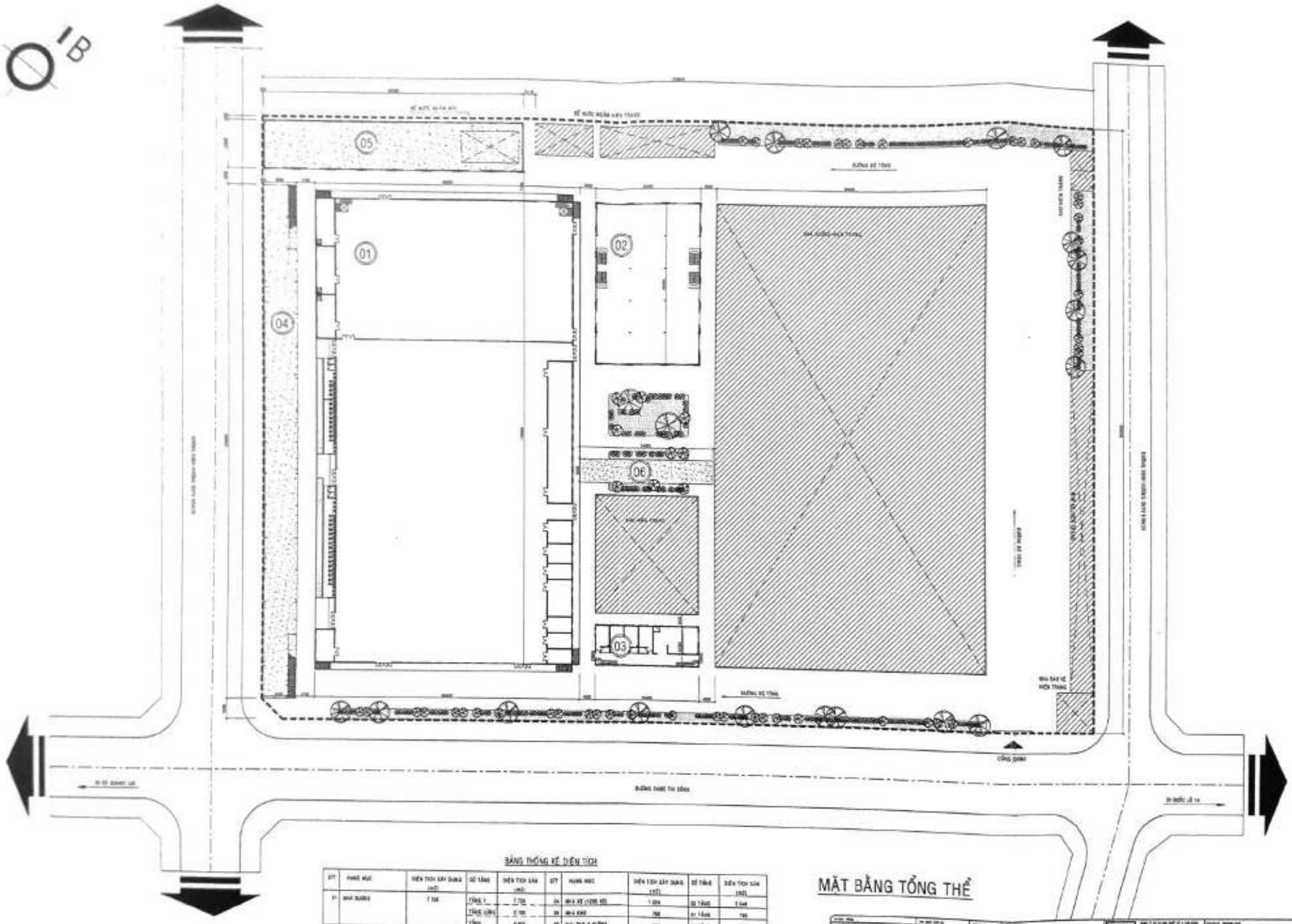

BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH

STT	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m2)	SỐ TẦNG	DIỆN TÍCH SÀN (m2)	STT	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m2)	SỐ TẦNG	DIỆN TÍCH SÀN (m2)
01	NHÀ XƯỞNG	[illegible]	TẦNG 1	[illegible]	04	NHÀ KT (1200 KG)	[illegible]	02 TẦNG	[illegible]
			TẦNG LỬNG	[illegible]	05	NHÀ KHO	[illegible]	01 TẦNG	[illegible]
			TỔNG	[illegible]	06	NHÀ CHỈ 2 XƯỞNG	[illegible]	01 TẦNG	[illegible]
02	NHÀ CÁNTIN	[illegible]	02 TẦNG	[illegible]	07	BỂ NƯỚC NGẦM MỚI	[illegible]	-	[illegible]
03	NHÀ KT TỤC SA	[illegible]	02 TẦNG	[illegible]					

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

NU DESIGN

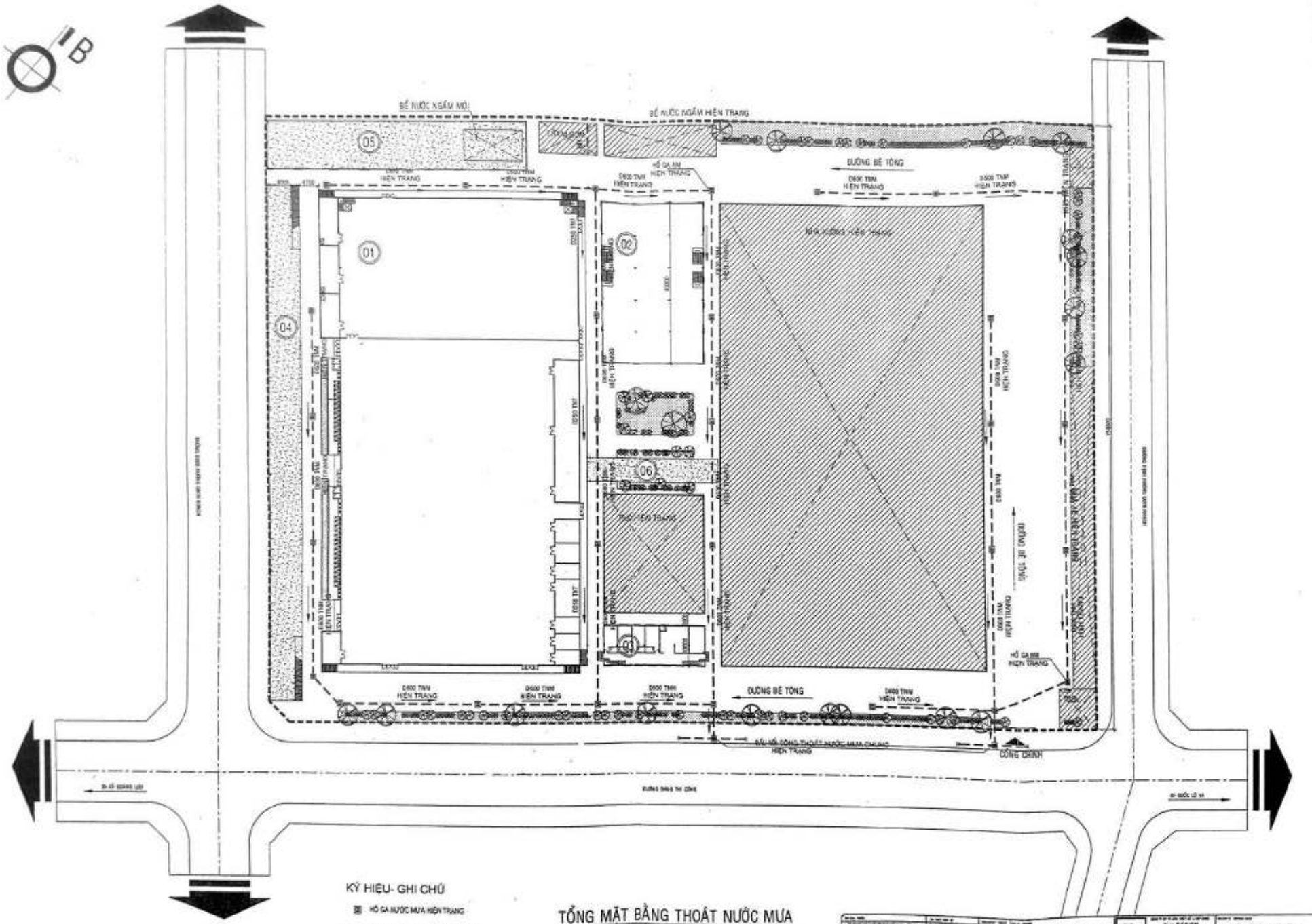
B
BỂ NƯỚC NGẦM MỚI
BỂ NƯỚC NGẦM HIỆN TRẠNG
05
01
02
03
04
06
HỐ GA ĐẤU NỐI HIỆN TRẠNG
ĐƯỜNG BÊ TÔNG
NHÀ XƯỞNG HIỆN TRẠNG
ĐẤU NỐI CỐNG THOÁT NƯỚC MƯA CHUNG HIỆN TRẠNG
CỔNG CHÍNH
KÝ HIỆU- GHI CHÚ
HỐ GA NƯỚC MƯA HIỆN TRẠNG
ỐNG THOÁT NƯỚC MƯA HIỆN TRẠNG
TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA

TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI